**Phụ lục 1:** **Mẫu bảng trọng số cấu trúc đề thi**

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP DỆT MAY HÀ NỘI  KHOA/ TRUNG TÂM:……………………….. | **BẢNG TRỌNG SỐ VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI** |

**MÔN HỌC/ HỌC PHẦN:……………… (Viết in hoa, cỡ chữ 14, phông Times New Roman)**

**I. Thông tin chung về đề thi**

1. Kỳ thi (Thi kỳ/ thi Olympic/ thi tốt nghiệp):…………………...........................................................................................

2. Đối tượng đánh giá (Đại học/Cao đẳng/…):…………………............................................................................................

3. Thời gian của đề thi:…………………………………………………………………………………………………….…

4. Mục tiêu đánh giá …………………………………………………………………………………………………………

5. Hình thức thi:………………………………………………………………………………………………………………

6. Yêu cầu riêng về hình thức tổ chức thi (nếu có):…………………………………………………………………………

**II. Bảng trọng số và cấu trúc đề thi**

**1.1. Bảng trọng số và cấu trúc đề thi**

**BẢNG TRỌNG SỐ ĐỀ THI**

| **TT** | **Nội dung (Bài/ chủ đề/ Chương)** | **Trọng số (%)** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Phân tích/ tổng hợp** | **Đánh giá** | **Sáng tạo** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bắt chước** | | **Làm đúng** | **Làm chính xác** | **Làm thuần thục** | **Làm biến hóa** |
| **A** | | **B** | **C** | **D** | **E** |
| ***1*** | ***Chủ đề 1:…*** | % | **A1** | | **B1** | **C1** | **D1** | **E1** |
| *1.1* | *Phần 1:…* | % | A1.1 | | B1.1 | C1.1 | D1.1 | E1.1 |
| Chuẩn kiến thức/ kỹ năng cần kiểm tra đánh giá? (Ch) | | Chuẩn kiến thức/ kỹ năng cần kiểm tra đánh giá? (Ch) | Chuẩn kiến thức/ kỹ năng cần kiểm tra đánh giá? (Ch) | Chuẩn kiến thức/ kỹ năng cần kiểm tra đánh giá? (Ch) | Chuẩn kiến thức/ kỹ năng cần kiểm tra đánh giá? (Ch) |
| % | | % | % | % | % |
| *1.2* | *Phần 2:…* | % | A1.2 | | B1.2 | C1.2 | D1.2 | E1.2 |
| (Ch) | | (Ch) | (Ch) | (Ch) | (Ch) |
| % | | % | % | % | % |
|  | *……………….* | ……. | ……… | | ……… | ……… | …… | …… |
| *1.n* | *Phần n:…* | % | A1.n | | B1.n | C1.n | D1.n | E1.n |
| (Ch) | | (Ch) | (Ch) | (Ch) | (Ch) |
| % | | % | % | % | % |
| ***2*** | ***Chủ đề 2:…*** | % | **A2** | | **B2** | **C2** | **D2** | **E2** |
|  |  |  | A2.1 | | B2.1 | C2.1 | D2.1 | E2.1 |
| *2.1* | *Phần n:…* | % | (Ch) | | (Ch) | (Ch) | (Ch) | (Ch) |
| % | | % | % | % | % |
|  | *……………….* | ……. | ……… | | ……… | ……… | …… | …… |
|  | **Tổng cộng** | % | % | | % | % | % | % |

**BẢNG CẤU TRÚC ĐỀ THI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | **Mục tiêu đánh giá** | **Điểm tổng** | **Tổng TG làm bài (Phút)** | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | | **Vận dụng** | | | | **Phân tích/ Tổng hợp** | | | | **Đánh giá** | | | | **Sáng tạo** | | | | |
| **Bắt chước** | | | | | **Làm đúng** | | | | **Làm chính xác** | | | | **Làm thuần thục** | | | | **Làm biến hóa** | | | | |
| **Số câu** | **Vị trí** | | **Điểm** | **TG** | **Số câu** | **Vị trí** | **Điểm** | **TG** | **Số câu** | **Vị trí** | **Điểm** | **TG** | **Số câu** | **Vị trí** | **Điểm** | **TG** | **Số câu** | **Vị trí** | **Điểm** | **TG** |
| ***1*** | ***Chủ đề 1:…*** | **3** | **30** | 2 |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *1.1* | *ND đánh giá A1.1* | 1 | 10 | 1 | Câu 1a | | 1 | 1’ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *1.2* | *ND đánh giá B1.2* | 2 | 20 |  |  | |  |  | 2 | Câu 1b;  Câu 2a | 2 | 1’ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *1.n* | *ND đánh giá C1.n* |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***2*** | ***Chủ đề 2*** | **5** |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *2.1* | *ND đánh giá C2.1* |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *2.2* | *……………….* |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *ND đánh giá D2.3* |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *2.n* | *ND đánh giá B2.n* |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  | **?** | **?** |  | | **?** |  | **?** |  | **?** |  | **?** |  | **?** |  | **?** |  | **?** |  | **?** |  | **?** |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **Bộ môn**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **Giảng viên/ Nhóm thực hiện**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**Ghi chú:**

**-** A1.1/ B1.2/C2.2,... là các mã chuẩn kiến thức/ kỹ năng được thống nhất từ Bảng trọng số.

- Bảng cấu trúc đề thi thể hiện thông tin liên kết với bảng trọng số và mục tiêu đánh giá.VD: Mức độ A1.1 chọn 3 câu/ 2 nội dung/ 4 ý,...

- Tùy theo mục tiêu đánh giá của từng Môn học/ Học phần, Tổ bộ môn lựa chọn các mức độ đánh giá của thang đánh giá Bloom/ Harrow (Có thể 3/ 3-4/ 4-5 mức độ hoặc cả các mức độ đánh giá).

- Nội dung nào cần kiểm tra đánh giá cần ghi rõ chuẩn Kiến thức/ Kỹ năng cần kiểm tra đánh giá trên bảng trọng số đề thi

- Đối với đề thi kết hợp Trắc nghiệm khách quan và tự luận cần xây dựng 1 bộ BTS&CT cho phần TNKQ, 1 bộ BTS&CT cho phần tự luận. Tùy theo từng Môn học/ Học phần, Tổ bộ môn lựa chọn tỉ lệ Trắc nghiệm hay tự luận phù hợp.

- Lưu ý đánh số thứ tự câu hỏi liên tiếp để thuận tiện xác định vị trí câu hỏi.